

Số: 2748/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 24 tháng 07 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh**  
**tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 – 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 – 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Hội đoàn thể tỉnh;
- LĐ, CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**KẾ HOẠCH**

**Hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 – 2030**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 và Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 – 2030 với nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

- Nhằm triển khai tổ chức thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

- Thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

**2. Yêu cầu**

- Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh phải phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng của Chiến lược và Kế hoạch quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

- Đề ra được bước đi cụ thể, lựa chọn những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn của từng địa phương, từng cấp, từng ngành và xây dựng được những giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp, khả thi để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn; bên cạnh các nỗ lực thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất chủ lực, hình thành các cụm liên kết ngành, việc nâng cao sức cạnh tranh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu trở thành nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển. Cụ thể là:

+ *Về kinh tế*, việc thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế đòi hỏi phải được thực hiện trong sự phối hợp chặt chẽ với các hoạt động tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Các hoạt động kinh tế cần được chuyển đổi theo hướng xanh, giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (PTR0).

+ *Về xã hội*, các nỗ lực cần được tập trung cho các hoạt động tạo việc làm bền vững; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tạo sự ổn định về quy mô và nâng cao chất lượng dân số; phát triển bền vững các đô thị, xây dựng nông thôn mới, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, vùng và địa phương.

+ *Về quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản; chống thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo vệ diện tích rừng; giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị lớn và khu công nghiệp; đảm bảo có cơ chế quản lý hiệu quả các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải. Nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các bên liên quan vào bảo vệ môi trường và thực hiện tăng trưởng xanh.

+ *Hoàn thiện khung thể chế cho tăng trưởng xanh*: Hệ thống thể chế, chính sách về tăng trưởng xanh phải được hoàn thiện theo hướng lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh và của các ngành, địa phương; đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh, đào tạo và tăng cường năng lực quản lý tăng trưởng xanh cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng dân cư.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển các cụm ngành kinh tế quan trọng theo hướng xanh hóa; tăng cường sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng; tập trung đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực để cải thiện, giải quyết các vấn đề môi trường, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt mục tiêu phát triển kinh tế bền vững và thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Trên cơ sở các mục tiêu đã được xác định trong Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thực tế phát triển của tỉnh, xác định các mục tiêu cụ thể như sau:

#### a) Xanh hóa các ngành kinh tế

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030: Tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GRDP bình quân giảm từ 1 - 1,5%/năm; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 15 - 20%; kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP; tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 58%; định hướng đến năm 2030 toàn tỉnh có khoảng 10.500 ha diện tích cây trồng cạn chủ lực được tưới bằng công nghệ, kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, trong đó khoảng 40% diện tích được tưới tự động hóa.

#### b) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Xây dựng lối sống xanh kết hợp với nếp sống đẹp truyền thống để tạo nên đời sống chất lượng cao hòa hợp với thiên nhiên. Thực hiện đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững.

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 95% CTR sinh hoạt đô thị và 90% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; sử dụng phương pháp chôn lấp trực tiếp cho tối đa 10% CTR sinh hoạt đô thị và 30% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom; tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định lần lượt đạt trên 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với các loại đô thị còn lại; tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng tại đô thị (loại I) đạt ít nhất 5%; tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng sạch tại đô thị (loại I) đạt 10% số lượng xe buýt mới; tỷ lệ mua sắm công xanh trong tổng mua sắm công đạt ít nhất 35%;

c) Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu.

Nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu, đảm bảo bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi xanh.

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030: Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,7 - 0,8; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95%.

### III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ cụ thể được giao cho cấp địa phương tại Quyết định số 882/QĐ-TTg bao gồm: nhóm nhiệm vụ, hoạt động 6.2 và nhiệm vụ, hoạt động cụ thể: 1.1.2, 1.1.3, 1.2.2, 1.2.3, 1.2.4, 2.2.2, 3.2.4, 4.2.2, 5.2.2, 10.5.3, 13.1.3, 14.1.1, 16.2.2. (Theo Phụ lục đính kèm).

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các địa phương chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch hành động này, đảm bảo thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

Định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12 của năm) các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các địa phương báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì, các chỉ tiêu giám sát, đánh giá kết quả thực hiện tăng trưởng xanh thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các địa phương tham mưu UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hoặc đột xuất tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện tăng trưởng xanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời, kịp thời đề xuất UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các địa phương gửi kiến nghị về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG**  
**XANH TỈNH BÌNH ĐỊNH, GIAI ĐOẠN 2023 – 2030**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên <sup>1</sup> )	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính <sup>2</sup>	Ghi chú
			Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp		
<b>1</b>	<b>Góp phần hoàn thiện đồng bộ khung cơ chế, chính sách, pháp luật về tăng trưởng xanh (Cao).</b>					
1.1	Triển khai Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh các cấp và tích hợp tăng trưởng xanh vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành.	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II	Triển khai mục 1.1.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg
1.2	Triển khai đồng bộ, phù hợp với Lộ trình hiện thực hóa tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế - xã hội với tầm nhìn dài hạn nhằm đạt được mục tiêu PTR0 vào năm 2050. (theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành)	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; cộng đồng doanh nghiệp, các viện, trường.		
1.3	Ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 – 2030	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.		
1.4	- Cập nhật tích hợp tăng trưởng xanh hướng đến mục tiêu PTR0 vào năm 2050 cho giai đoạn mới (theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành)	2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.		
1.5	- Phối hợp đánh giá, cung cấp cơ sở dữ liệu cấp địa phương về tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất, thiệt hại để đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai cấp quốc gia. - Tích hợp kết quả đánh giá vào chiến lược, quy	2023 - 2030	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và MT, Nông nghiệp và	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II; IV	Triển khai mục 1.1.3- Quyết định số 882/QĐ-TTg

	hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách cấp địa phương theo thẩm quyền		PTNT; Cục Thống kê			
1.6	Triển khai Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia, chế độ báo cáo thực hiện Chiến lược, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh.	Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức thành viên; Cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ	I, II	Triển khai mục 1.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg
1.7	Theo dõi thực hiện chế độ giám sát, đánh giá, báo cáo theo cấp địa phương	Thực hiện theo chế độ giám sát, báo cáo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.		
1.8	- Triển khai các Văn bản pháp luật quy định về hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) - Phối hợp thực hiện kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật, đảm bảo tích hợp đồng bộ với hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia (Cao).	2023 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.	I, II	Triển khai mục 1.2.3 - Quyết định số 882/QĐ-TTg
1.9	- Phối hợp xây dựng các cơ sở dữ liệu: (1) tăng trưởng xanh quốc gia; (2) nền địa lý quốc gia; (3) tăng trưởng xanh các ngành, địa phương trên cơ sở sử dụng dữ liệu nền địa lý quốc gia và tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu cấp quốc gia. - Phối hợp xây dựng, số hóa Hệ thống quản lý, giám sát đánh giá tăng trưởng xanh cấp tỉnh ( <i>theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành</i> ).	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.	I, II; IV	Triển khai mục 1.2.4 - Quyết định số 882/QĐ-TTg
<b>2</b>	<b>Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức.</b>					
2.1	Tích hợp truyền thông về vai trò, ý nghĩa tăng trưởng xanh; phổ biến những quy định, chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh và trách nhiệm của xã hội; khuyến khích những hành động thiết thực về	2022 - 2030	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa		I, II; IV	Triển khai mục 2.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-

	lối sống, tiêu dùng xanh hài hòa với thiên nhiên, giảm sử dụng đồ nhựa dùng một lần, gắn với các giá trị văn hóa truyền thống, chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong các chương trình mục tiêu quốc gia cùng các kênh truyền thông		phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.			TTg
<b>3</b>	<b>Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh.</b>					
3.1	Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh thông qua việc tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số (Cao). (do Bộ, ngành Trung ương tổ chức); bao gồm các đối tượng sau: - Đội ngũ cán bộ quản trị công (tập trung vào cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác hoạch định chính sách) - Cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng. - Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.	2023 - 2030	Bộ, ngành Trung ương	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II, III, IV	Triển khai mục 3.2.4 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
3.2	Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và khả năng cung ứng nguồn nhân lực đáp ứng tăng trưởng xanh dựa trên định hướng của các ngành. Hình thành, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh cho các ngành nghề xanh, kết nối cung và cầu trong thị trường lao động việc làm xanh theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	2023 – 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Liên đoàn lao động tỉnh	I, II	
3.3	Tăng cường công tác giáo dục nghề nghiệp trong các ngành nghề xanh:					
3.3.1	- Tích hợp tăng trưởng xanh vào chương trình, hoạt động giáo dục nghề nghiệp các cấp trình độ; đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành nghề xanh; triển khai xây dựng mô hình cơ sở giáo dục nghề	2023 – 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan; Liên đoàn lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã,	I, II, III, IV	



	nghiệp an toàn, xanh, sạch, thông minh theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.			thành phố; các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp		
3.3.2	- Đầu tư cơ sở vật chất cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.	2023 - 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	I, II, III, IV	
3.3.3	- Tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác với khối tư nhân để đào tạo các ngành nghề xanh theo quy chuẩn đào tạo của các tổ chức quốc tế và nhu cầu lao động trong các ngành nghề xanh của thành phần kinh tế tư nhân theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.	2023 - 2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan; Liên đoàn lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp	I, II, III, IV	
3.4	Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế (gồm Phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá chuyển đổi nền kinh tế.					
3.4.1	- Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	2023 – 2025	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan; Liên đoàn lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố		
3.4.2	- Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế trong chương trình, kế hoạch của các ngành, các lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	2023 – 2025	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành có liên quan; Liên đoàn lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố		
<b>4</b>	<b>Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh.</b>					
4.1	Cân đối bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, chú trọng nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công và chi thường xuyên cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về tăng trưởng xanh.	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II	Triển khai mục 4.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
4.2	-Tăng cường huy động nguồn tài chính từ các định chế tài chính, các quỹ và các nhà đầu tư tư nhân	2023 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa		

	quốc tế, ưu tiên sử dụng các nguồn vốn vay ưu đãi, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ cho tăng trưởng xanh. - Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức hợp tác giữa nhà nước và tư nhân, giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong các dự án xanh và các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi xanh.		Tài chính	phương.		
<b>5</b>	<b>Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo</b>					
5.1	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, quản trị, vận hành các nhiệm vụ, hoạt động tăng trưởng xanh. Hoàn thiện, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp địa phương (Cao) <i>(Theo Chương trình, đề án, hoạt động về ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành các hoạt động tăng trưởng xanh)</i>	2023 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II, III, IV	Triển khai mục 5.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
<b>6</b>	<b>Hội nhập và hợp tác quốc tế</b>					
6.1	Hội nhập và hợp tác quốc tế: Tích cực tham gia, tổ chức hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phối hợp nghiên cứu chuyển giao công nghệ thực hiện tăng trưởng xanh; nghiên cứu, đề xuất với các đối tác phát triển về các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho tăng trưởng xanh; hỗ trợ kết nối các địa phương và doanh nghiệp Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài; chủ động phối hợp và tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực cũng như các thách thức đối với thực hiện tăng trưởng xanh.	2023-2030	Các sở, ngành theo thẩm quyền	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.	I, II	Triển khai mục 6.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
<b>7</b>	<b>Giao thông vận tải và dịch vụ logistics</b>					
7.1	- Triển khai các dự án hoàn thiện kết cấu hạ tầng	2023-2030	Sở Giao thông	Các sở, ban, ngành có liên	I, II, III, IV	Triển khai

	logistics theo hướng xanh đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, tương hỗ từ các ngành. - Phối hợp vận hành Sàn giao dịch logistics. - Triển khai các quy định về tiêu chí phân loại, phân hạng, tiêu chuẩn quốc gia về trung tâm logistics xanh.		vận tải; Sở Công Thương	quan; UBND các địa phương.		mục 10.5.3 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
7.2	- Đảm bảo quy hoạch, cơ cấu sản xuất địa phương gắn với phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics.	2023-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.		
7.3	- Phối hợp triển khai các quy định về tiêu chí phân loại, phân hạng, tiêu chuẩn quốc gia về trung tâm logistics xanh; Phát triển dịch vụ logistics gắn với thương mại điện tử.	2023 - 2030	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải; Các Hiệp hội thương mại điện tử; Các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng và dịch vụ logistics		
<b>8</b>	<b>Tăng cường quản lý và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn, tăng cường các giải pháp ngăn ngừa và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn.</b>					
8.1	- Triển khai thực hiện chính sách ưu đãi, các chương trình, dự án quản lý chất thải, tập trung vào giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương với sự tham gia của các bên liên quan và người dân (Cao) - Phối hợp thực hiện các chương trình, dự án tăng cường năng lực quy hoạch quản lý, xử lý chất thải rắn và tích hợp các nội dung quản lý tổng hợp chất thải rắn trong quy hoạch ( <i>các chương trình/dự án liên quan đến địa phương</i> ) - Thí điểm, nhân rộng các chương trình, dự án giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt. - Ban hành các quy định và triển khai các chính sách ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải	2023-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các địa phương	Các sở, ban, ngành có liên quan; Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ VN tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khác có liên quan; cộng đồng doanh nghiệp.	I, II, III	Triển khai mục 13.1.3 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.

	tại địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.					
<b>9</b>	<b>Tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí; nâng cao năng lực, mở rộng mạng lưới, hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng không khí xung quanh, hệ thống quan trắc khí thải tự động.</b>					
9.1	- Triển khai Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030. (Cao). - Tham gia cơ chế điều phối triển khai cấp quốc gia; xây dựng cơ chế phối hợp, biện pháp liên vùng, liên tỉnh.	2023 - 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	I, II	Triển khai mục 14.1.1 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
<b>10</b>	<b>Đẩy mạnh mua sắm công xanh, đổi mới hoạt động dịch vụ công theo hướng xanh.</b>					
10.1	Triển khai đề án/dự án/chương trình nghiên cứu, hoạt động triển khai mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh ( <i>các đề án/dự án/chương trình liên quan đến địa phương</i> )	2024-2030	Các sở, ban, ngành có liên quan.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các địa phương.	I, II, III	Triển khai mục 16.2.2 - Quyết định số 882/QĐ-TTg.
10.2	Tham gia các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn về mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh.		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương; Cộng đồng doanh nghiệp; các viện, trường, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.		
10.3	Triển khai mua sắm xanh, dịch vụ công xanh đối với các cơ quan nhà nước.		Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các địa phương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.		

<sup>1</sup> Chú thích “(Cao)” đối với nhiệm vụ, hoạt động cụ thể có mức độ ưu tiên cao.

<sup>2</sup> Nhiệm vụ, hoạt động được đánh giá có thể tiếp cận các nguồn lực sau (có thể chọn nhiều hơn 1 nguồn lực): I. Ngân sách nhà nước; II. Hỗ trợ quốc tế; III. Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; IV. Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.